

Số: 70/2022/QĐST-HNGĐ

Tp. C, ngày 01 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

Căn cứ vào Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 71/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phan Thành S, sinh năm 1982;

Địa chỉ: không số nhà (kế số nhà 273), Tổ 8, ấp HL, xã HA, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chị Trần Thị Bé H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: không số nhà (kế số nhà 273), Tổ 8, ấp HL, xã HA, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 8, Ấp 2, xã TH, huyện C1, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị H kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà An, thành phố C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14/2008 ngày 20/02/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2013-2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến với nhau, có lần vì không thể chịu đựng được nhau nên anh chị xa nhau 06 tháng mới hàn gắn. Thời gian sau đó tiếp tục xảy ra cãi vã về chuyện làm ăn, mặc dù vợ chồng đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả.

Tháng 08/2020, mâu thuẫn đến mức nghiêm trọng, vợ chồng nhận thấy không thể tiếp tục đời sống vợ chồng nên chia tay, mỗi người sống một nơi. Từ ngày xa nhau đến nay thỉnh thoảng anh, chị có gặp lại thăm nom con cái, nhưng

tình cảm rạn nứt, vợ chồng không thể quay lại sống bên nhau. Nay anh S và chị H thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Tòa án tiến hành hòa giải để động viên anh S và chị H đoàn tụ để tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, anh S và chị H không thống nhất đoàn tụ vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S và chị H vẫn thống nhất thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Thành S và chị Trần Thị Bé H.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh S và chị H có 02 con chung là Phan Trần MN, sinh ngày 30/01/2009 và Phan Trần MQ, sinh ngày 04/05/2011. Hai con chung đang sống với chị H.

Anh S và chị H thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Trần Thị Bé H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Phan Trần MN và Phan Trần MQ; anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/con/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05/2022.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị H thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Phan Thành S và chị Trần Thị Bé H tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thành S và chị Trần Thị Bé H thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh S và chị H có 02 con chung là Phan Trần MN, sinh ngày 30/01/2009 và Phan Trần MQ, sinh ngày 04/05/2011. Hai con chung đang sống với chị H.

Anh S và chị H thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị Trần Thị Bé H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Phan Trần MN và Phan Trần MQ; anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, cấp dưỡng hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/con/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05/2022.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phan Thành S và chị Trần Thị Bé H tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005644 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Anh Phan Thành S và chị Trần Thị Bé H đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã HA, TPCL,
- GCNKH số 14; ngày 20/02/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Cẩm Hùng